

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/KDTM-PT
Ngày 19-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Đào Minh Đa;
Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 10/2021/TLPT-KDTM ngày 13/01/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT ngày 22/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH SX HH; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc H, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH LH; địa chỉ: thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Khánh T1, sinh năm 1986; địa chỉ liên hệ: tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24-8-2020), có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH LH do ông Lê Khánh T1 làm đại diện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

* Nguyên đơn trình bày:

Ngày 22-10-2018, Công ty TNHH SX HH (sau đây gọi tắt là Công ty HH) và Công ty TNHH LH (sau đây gọi tắt là Công ty LH) ký Hợp đồng kinh tế số 22/10/2018/HĐKT/LIH-ĐHH (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) về việc mua bán vật tư hàng hóa. Theo nội dung hợp đồng, Công ty HH cung cấp tủ điện lắp ráp hợp bộ cho Công ty LH với tổng giá trị hợp đồng (bao gồm thuế VAT 10%) là 2.447.500.000 đồng. Theo thỏa thuận tại khoản 4.2 Điều 4 của hợp đồng, Công ty LH thanh toán dưới hình thức chuyển khoản, việc thanh toán chia làm 04 đợt, cụ thể:

- Đợt 1: Tạm ứng 30% giá trị của hợp đồng, tương ứng số tiền 734.250.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng.

- Đợt 2: Thanh toán 25% giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền 611.875.000 đồng sau khi Công ty LH kiểm tra nghiệm thu sơ bộ tủ điện tại xưởng Công ty HH.

- Đợt 3: Thanh toán 25% giá trị của hợp đồng, tương ứng số tiền 611.875.000 đồng, sau khi Công ty HH giao hàng cho Công ty LH, Công ty LH thanh toán trong vòng 03 ngày.

- Đợt 4: Công ty LH sẽ thanh toán cho Công ty HH 20% tương ứng số tiền 489.500.000 đồng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu đóng điện.

Thực hiện hợp đồng, Công ty HH đã cung cấp hàng theo đúng thỏa thuận cho Công ty LH theo phiếu giao hàng ngày 10-01-2019 và 25-02-2019. Công ty LH đã thanh toán cho Công ty HH số tiền đợt 1 và đợt 2 là 1.346.125.000 đồng. Số tiền còn lại của đợt 3 và đợt 4 chưa thanh toán là 1.101.375.000 đồng.

Do trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty HH có vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận tại Điều 7 của hợp đồng vì đã không hoàn thành nội dung hợp đồng theo thời hạn quy định nên Công ty HH bồi thường cho Công ty LH 5% giá trị hợp đồng với số tiền là 122.375.000 đồng. Như vậy, số tiền còn lại Công ty LH phải thanh toán cho Công ty HH là 979.000.000 đồng. Công ty HH nhiều lần thông báo yêu cầu Công ty LH thanh toán số tiền trên nhưng Công ty LH không thanh toán nên Công ty HH khởi kiện yêu cầu Công ty LH thanh toán số tiền còn nợ là 979.000.000 đồng và buộc Công ty LH tính lãi theo mức tạm tính chậm thanh toán theo mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng mà Tòa án đã xác minh là 0.87%/tháng với số tiền là 124.000.000 đồng từ ngày 28-02-2019 đến ngày 16-5-2020. Tổng cộng Công ty HH yêu cầu Công ty LH thanh toán số tiền là 1.103.000.000 đồng.

** Bị đơn trình bày:*

Thống nhất ý kiến của nguyên đơn về hợp đồng đã ký và số tiền bị đơn đã thanh toán đợt 1, đợt 2 cho nguyên đơn. Đối với số tiền đợt 3, nguyên đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền đợt 3 là 269.500.000 đồng sau khi trừ số tiền 5% do vi phạm hợp đồng là 122.375.000 đồng và số tiền 220.000.000 đồng bị đơn phải thuê công ty khác làm do nguyên đơn không thực hiện đúng theo hợp đồng thỏa thuận, cụ thể là theo hợp đồng kinh tế ngày 26-3-2019 và phụ lục hợp đồng kinh

tế ngày 01-4-2019. Đối với số tiền đợt 4, bị đơn không đồng ý thanh toán vì nguyên đơn chưa hoàn thành công việc theo thỏa thuận, không tiến hành nghiệm thu đóng điện và bàn giao các giấy tờ theo thỏa thuận tại hợp đồng.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH SX HH đối với Công ty TNHH LH.

Buộc Công ty TNHH LH phải thanh toán cho Công ty TNHH SX HH số tiền đợt 3 là 489.500.000 đồng và tiền lãi là 62.318.245 đồng. Tổng cộng 551.818.245 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH SX HH đối với Công ty TNHH LH về việc buộc Công ty TNHH LH thanh toán số tiền đợt 4 là 489.500.000 đồng và tiền lãi là 62.318.245 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH LH phải chịu 26.072.730 đồng.

Công ty TNHH SX HH phải chịu 26.072.730 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0038048 ngày 28-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương. Công ty TNHH SX HH còn phải nộp 3.798.226 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, kháng nghị, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 14/10/2020, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung tính lãi suất đợt 3 và phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, không kháng cáo các nội dung còn lại của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Về tổ tụng: Thẩm phán cấp phúc thẩm và những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét kháng cáo. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng đợt 3 là 489.500.000 đồng và lãi chậm thanh toán là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Đối với số tiền thanh toán đợt 4, do nguyên đơn chưa thực hiện hết các nghĩa vụ của bên bán được quy định trong hợp đồng, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền đợt 4 là không có căn cứ chấp nhận. Đối với việc tính án phí: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng theo Pháp lệnh án phí, lệ phí của Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Do vậy, không có cơ sở để xem xét kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308

Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án số 10/2020/KDTM-ST ngày 30/9/2020 Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến và Kiểm sát viên phát biểu quan điểm; sau khi thảo luận,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Ngày 30 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm vụ án và ban hành Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST. Ngày 14/10/2020, bị đơn Công ty LH có đơn kháng cáo. Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn, đóng tạm ứng án phí đúng quy định tại các Điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn Công ty HH có kháng cáo quá hạn nhưng không được chấp nhận theo Quyết định không chấp nhận kháng cáo quá hạn số 04/2020/QĐ-PT ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Tại phiên tòa, bị đơn xác định chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung tính tiền lãi suất đợt 3 và phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, không kháng cáo các nội dung còn lại của bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo và các phần có liên quan đến nội dung kháng cáo.

Về nội dung:

[4] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất về việc xác lập và thực hiện Hợp đồng kinh tế số 22/10/2018/HĐKT/LIH-ĐHH ngày 22-10-2018 với tổng giá trị hợp đồng 2.447.500.000 đồng, Công ty LH đã nhận hàng và thanh toán số tiền đợt 1 và đợt 2 là 1.346.126.300 đồng, đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn không thanh toán số tiền đợt 3 và đợt 4 theo thỏa thuận tại hợp đồng nên khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền của đợt 3 là 489.500.000 đồng sau khi trừ đi số tiền phạt vi phạm số tiền là 122.375.000 đồng (tương ứng 5% tổng giá trị Hợp đồng) do giao hàng chậm và số tiền đợt 4 là 489.500.000 đồng, tổng cộng là 979.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 28-02-2019 đến ngày 16-5-2020 với số tiền là 124.000.000 đồng. Tổng cộng Công ty HH yêu cầu Công ty LH thanh toán số tiền là 1.103.000.000 đồng.

Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền đợt 3 là 269.500.000 đồng sau khi trừ số tiền 5% vi phạm hợp đồng là 122.375.000 đồng và số tiền 220.000.000 đồng bị đơn phải thuê công ty khác làm do nguyên đơn không thực hiện đúng theo hợp đồng thỏa thuận. Đối với số tiền đợt 4, bị đơn không đồng ý thanh toán vì

nguyên đơn chưa hoàn thành công việc theo thỏa thuận, không tiến hành nghiệm thu đóng điện và bàn giao các giấy tờ theo thỏa thuận tại hợp đồng.

Xét kháng cáo của bị đơn:

[5] Bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm tính tiền lãi suất đợt 3 từ ngày 28-02-2019 là không đúng. Căn cứ vào phiếu giao hàng ngày 10-01-2019 và 25-02-2019 có cơ sở xác định Công ty HH đã thực hiện việc giao hàng cho Công ty LH vào ngày 25-02-2020. Về thời hạn thanh toán đợt 3, nguyên đơn cho rằng thời hạn thanh toán là 03 ngày kể từ ngày nhận hàng, bị đơn xác định thời hạn này là 07 ngày. Tại khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng nội dung về thời hạn phải thanh toán có dấu hiệu bị sửa chữa. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ thời hạn thanh toán chính xác theo hợp đồng là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận hàng nhưng đã nhận định thời hạn thanh toán là 03 ngày và buộc bị đơn phải chịu lãi suất từ ngày 28-02-2019 là chưa đủ cơ sở, trường hợp xác định rõ thời điểm phải thanh toán thì phải áp dụng khoản 2 Điều 147 Bộ luật Dân sự để xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán để làm căn cứ tính lãi suất.

[6] Bị đơn cho rằng bị đơn không tranh chấp số tiền thanh toán đợt 3, bị đơn chỉ tranh chấp số tiền thanh toán đợt 4, do vậy nguyên đơn phải chịu án phí, bị đơn không phải chịu. Theo thỏa thuận tại khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng, nội dung thanh toán đợt 4 ghi nhận: *“Bên A (Công ty LH) sẽ thanh toán cho bên B (Công ty HH) 20% tương ứng số tiền 489.500.000 đồng kể từ khi ký biên bản nghiệm thu đóng điện (không quá 30 ngày sau khi giao hàng) và bàn giao các giấy tờ nghiệm thu”*. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày rằng Công ty HH chưa tiến hành nghiệm thu đóng điện cho Công ty LH trong thời gian theo thỏa thuận tại hợp đồng đã giao kết vì Công ty LH không hợp tác. Người đại diện hợp pháp của Công ty LH không thừa nhận việc không hợp tác như ý kiến của Công ty HH. Xét thấy các bên không tranh chấp về chất lượng hàng hóa, sau khi hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao nhận hàng, Công ty LH thừa nhận đã thuê Công ty khác nghiệm thu đóng điện và đưa số máy móc đã nhận của Công ty HH đi vào hoạt động. Như vậy, việc nghiệm thu đóng điện đã được thực hiện, là điều kiện để bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán, vấn đề cần làm rõ là xác định mức độ lỗi của các bên trong việc nghiệm thu đóng điện theo thỏa thuận để xác định trách nhiệm thanh toán hoặc bồi thường theo quy định tại các Điều 410 và 413 Bộ luật Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung thỏa thuận “thời gian quá 30 ngày sau khi giao hàng” áp dụng cho việc ký biên bản nghiệm thu đóng điện hay áp dụng cho thời gian trả tiền để xác định chính xác thời hạn thanh toán theo thỏa thuận của hai bên. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp nội dung các cuộc trao đổi qua điện thoại được in ra giấy và cho rằng đây là các cuộc trao đổi giữa nguyên đơn và bị đơn về việc nghiệm thu đóng điện và yêu cầu thanh toán. Xét thấy đây là tình tiết mới có ý nghĩa quan trọng cho việc giải quyết vụ án nhưng chưa được làm rõ. Do vậy, cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ làm rõ nguyên nhân của việc hai bên không ký biên bản nghiệm thu đóng điện để xác định lỗi của ai, mức độ lỗi như thế nào, khi Công ty HH không nghiệm thu đóng

điện theo thỏa thuận thì Công ty LH có yêu cầu Công ty HH phải thực hiện không, có ý kiến về việc hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại không..., để giải quyết đúng pháp luật và toàn diện vụ án. Do chưa đủ cơ sở xác định trách nhiệm của nguyên đơn và bị đơn trong việc thanh toán tiền đợt 4 nên chưa có căn cứ để buộc nghĩa vụ của các đương sự đối với án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[7] Từ những phân tích trên nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận, hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH LH không phải chịu, trả cho Công ty TNHH LH 2.000.000 (Hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0052043 ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Tòa KT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Thanh